|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT TP HẢI DƯƠNG**TRƯỜNG THCS HẢI TÂN**Ngày kiểm tra: ..../3/2023**ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ II**NĂM HỌC: 2022 - 2023**Môn: Vật lí –** Lớp 8*Thời gian làm bài: 45 phút.*(Đề kiểm tra gồm 02 trang). |

**I. TRẮC NGHIỆM.** *(3.0 điểm).*

 ***Em hãy lựa chọn 01 đáp án đúng nhất trong mỗi câu sau rồi viết vào phiếu bài làm của mình.***

**Câu 1.** Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng với định luật về công?

 **A.** Các máy cơ đơn giản đều cho lợi về công.

 **B**.Không một máy cơ đơn giản nào cho lợi về công, mà chỉ lợi về lực và lợi về đường đi.

 **C.** Không một máy cơ đơn giản nào cho ta lợi về công, được lợi bao nhiêu lần về lực thì thiệt bấy nhiêu lần về đường đi và ngược lại.

 **D.** Các máy cơ đơn giản đều lợi về công, trong đó lợi cả về lực lẫn cả đường đi.

**Câu 2.** Đơn vị nào sau đây là đơn vị của công cơ học?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Niu tơn trên mét (N/m). **C.** Niu tơn nhân mét (N.m). | **B.** Niu tơn trên mét vuông (N/m2).**D.** Niu tơn nhân mét vuông (N.m2). |

**Câu 3.** Công thức tính công suất là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** P = 10m. | **B.** P =. | **C.** P =. | **D.** P = d.h. |

**Câu 4.** Công suất là:

 **A.** Công thực hiện được trong một giây.

 **B**. Công thực hiện được trong một ngày.

 **C.** Công thực hiện được trong một giờ.

 **D.** Công thực hiện được trong một đơn vị thời gian.

**Câu 5.** Đơn vị của công suất là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Oát (W). | **B.** Kilôoát (kW). | **C.** Jun trên giây (J/s). | **D.** Cả ba đơn vị trên. |

**Câu 6.** Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sai?

 **A.** Ròng rọc cố định chỉ có tác dụng đổi hướng của lực và cho ta lợi về công.

 **B.** Ròng rọc động cho ta lợi hai lần về lực, thiệt hai lần về đường đi, không cho ta lợi về công.

 **C.** Mặt phẳng nghiêng cho ta lợi về lực, thiệt về đường đi, không cho ta lợi về công.

 **D.** Đòn bẩy cho ta lợi về lực, thiệt về đường đi hoặc ngược lại, không cho ta lợi về công.

**Câu 7.** Đầu tàu hoả kéo toa xe với một lực 4000N làm toa xe đi được 2km. Công lực kéo của đầu tàu là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 8000J. | **B.** 2000J. | **C.** 8000kJ. | **D.** 2000kJ. |

**Câu 8.** Khi nào vật có cơ năng?

 **A.** Khi vật có khả năng nhận một công cơ học.

 **B.** Khi vật có khả năng thực hiện một công cơ học.

 **C.** Khi vật thực hiện được một công cơ học.

 **D.** Cả ba trường hợp nêu trên.

**Câu 9.** Trong các vật sau, vật nào không có thế năng (so với mặt đất)?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Chiếc bàn đứng yên trên sàn nhà. **C.** Quả bóng đang bay trên cao. | **B.** Chiếc lá đang rơi.**D.** Một người đứng trên tầng ba của tòa nhà. |

**Câu 10**. Tại sao các chất trông đều có vẻ như liền một khối, mặc dù chúng được cấu tạo từ các hạt riêng biệt?

 **A.** Vì một vật chỉ được cấu tạo từ một số ít các hạt, khoảng cách giữa chúng lớn mắt thường không thể phân biệt được.

 **B.** Vì các hạt kích thước rất lớn và chúng được nối liền với nhau tạo thành các khối.

 **C.** Vì các hạt rất nhỏ, khoảng cách giữa chúng rất nhỏ, mắt thường ta không thể phân biệt được.

 **D.** Vì kích thước các hạt không nhỏ lắm nhưng chúng lại nằm rất sát nhau.

**Câu 11.** Các chất được cấu tạo từ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** Tế bào. | **B.** Các nguyên tử, phân tử. | **C.** Hợp chất. | **D.** Các mô. |

**Câu 12.** Tại sao quả bóng bay được thổi căng hơi dù được buộc chặt lâu ngày vẫn bị xẹp?

 **A.** Vì khi mới thổi, không khí từ miệng vào bóng còn nóng, sau đó lạnh dần nên co lại.

 **B.** Vì cao su là chất đàn hồi nên sau khi bị thổi căng nó tự động co lại.

 **C.** Vì không khí nhẹ nên có thể chui qua chỗ buộc ra ngoài.

 **D.** Vì giữa các phân tử của chất làm vỏ bóng có khoảng cách nên các phân tử không khí có thể qua đó thoát ra ngoài.

**II. TỰ LUẬN.** *(7,0 điểm).*

**Câu 13.** *(1,0 điểm).*

Nêu ví dụ chứng tỏ một vật đàn hồi bị biến dạng thì có thế năng?

**Câu 14.** *(2,5 điểm).*

Một con ngựa kéo xe đi được 120m với lực kéo là 200N trong thời gian 60 giây.

a. Tính công của con ngựa đã thực hiện?

b. Tính công suất làm việc của con ngựa?

**Câu 15.** *(3,5 điểm).*

Đưa một vật có trọng lượng 500N từ mặt đất lên độ cao 50cm.

a. Tính công đưa vật lên theo phương thẳng đứng?

b. Dùng ván nghiêng dài 2m để đưa vật lên thì cần lực kéo nhỏ nhất bằng bao nhiêu? Bỏ qua ma sát giữa vật và ván nghiêng.

c. Dùng tấm ván khác cũng có độ dài 2m. Nhưng do có ma sát nên lực kéo vật bằng ván nghiêng này là 150N. Hãy tính hiệu suất của mặt phẳng nghiêng và độ lớn của lực ma sát?

---------------------- Hết----------------------

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT TP HẢI DƯƠNG**TRƯỜNG THCS HẢI TÂN**Ngày kiểm tra: ..../3/2023**ĐỀ CHÍNH THỨC** | **HƯỚNG DẪN CHẤM** **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ II** NĂM HỌC: 2022 - 2023**Môn: Vật lí –**Lớp 8(Hướng dẫn chấm gồm 01 trang). |

**I. TRẮC NGHIỆM.** *(3.0 điểm).* Mỗi đáp án chọn đúng được 0,25 điểm**.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu.** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án.** | **C** | **D** | **B** | **D** | **D** | **A** | **C** | **B** | **A** | **C** | **B** | **D** |

**II. TỰ LUẬN.** *(7,0 điểm).*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu.** | **Đáp án.** | **Điểm.** |
| Câu 13.(1,0 đ). | + VD: Lò xo bị nén (dãn) thì có thế năng đàn hồi.  | 0,75 |
| Vì khi lò xo bị biến dạng lực đàn hồi của lò xo sẽ có xu hướng lấy lại hình dạng ban đầu. Trong quá trình đó lực đàn hồi sinh công nên lò xo có cơ năng mà cơ năng đó ở dạng thế năng đàn hồi. | 0,25 |
| Câu 14 (2,5đ). | Tóm tắt: s = 120m, F = 200N, t = 60s.a. A = ?b. P = ? | 0,5 |
| a. Công của con ngựa đã thực hiện: A = F.s = 200.120 = 24000(J). | 1,0 |
| b, Công suất làm việc của con ngựa: P == = 400(W). | 1,0 |
| Câu 15 (3,5đ). | Tóm tắt: P = 500N, h = 50cm = 0,5m. a. A = ?b. l = 2m. F = ?c. F’ = 150N. H = ?, Fms = ? | 0,5 |
| a. Công để đưa vật lên theo phương thẳng đứng: Ai  = P.h = 500.0,5 = 250 (J). | 0,75 |
| b. Lực kéo vật trên mặt phẳng nghiêng:  F =  = = 125 (N). | 0,75 |
| c, Công đưa vật lên bằng tấm ván nghiêng: : Atp= F’.l = 150.2 = 300(J).Hiệu suất của tấm ván nghiêng là: H= . 100% = . 100% = 83,3%Lực ma sát là:  Fms= ( Atp - Ai) : l = 25(N).Hoặc Fms= F’= 150 – 125 = 25(N). | 0,50,50,5 |

***\* Chú ý:*** *HS trình bày cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.*

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT TP HẢI DƯƠNG**TRƯỜNG THCS HẢI TÂN**Ngày kiểm tra: ..../3/2023**ĐỀ HÒA NHẬP** | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ II**NĂM HỌC: 2022 - 2023**Môn: Vật lí –** Lớp 8*Thời gian làm bài: 45 phút.*(Đề kiểm tra gồm 02 trang). |

 ***Em hãy lựa chọn 01 đáp án đúng nhất trong mỗi câu sau rồi viết vào phiếu bài làm của mình.***

**Câu 1.** Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng với định luật về công?

 **A.** Các máy cơ đơn giản đều cho lợi về công.

 **B**.Không một máy cơ đơn giản nào cho lợi về công, mà chỉ lợi về lực và lợi về đường đi.

 **C.** Không một máy cơ đơn giản nào cho ta lợi về công, được lợi bao nhiêu lần về lực thì thiệt bấy nhiêu lần về đường đi và ngược lại.

 **D.** Các máy cơ đơn giản đều lợi về công, trong đó lợi cả về lực lẫn cả đường đi.

**Câu 2.** Đơn vị của công là:

 **A**. N, J; **B.** J, N/m; **C.** J/s, N.m; **D.** J, N.m.

**Câu 3.** Công thức tính công suất là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** P = . | **B.** P =10m. | **C.** P =. | **D.** P = d.h. |

**Câu 4.** Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sai?

 **A.** Ròng rọc cố định chỉ có tác dụng đổi hướng của lực và cho ta lợi về công.

 **B.** Ròng rọc động cho ta lợi hai lần về lực, thiệt hai lần về đường đi, không cho ta lợi về công.

 **C.** Mặt phẳng nghiêng cho ta lợi về lực, thiệt về đường đi, không cho ta lợi về công.

 **D.** Đòn bẩy cho ta lợi về lực, thiệt về đường đi hoặc ngược lại, không cho ta lợi về công.

**Câu 5.** Đầu tàu hoả kéo toa xe với một lực 4000N làm toa xe đi được 2km. Công lực kéo của đầu tàu là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.** 8000J. | **B.** 2000J. | **C.** 8000kJ. | **D.** 2000kJ. |

**Câu 6.** Khi nào vật có cơ năng?

 **A.** Khi vật có khả năng nhận một công cơ học.

 **B.** Khi vật có khả năng thực hiện một công cơ học.

 **C.** Khi vật thực hiện được một công cơ học.

 **D.** Cả ba trường hợp nêu trên.

**Câu 7.** Trong các vật sau, vật nào không có thế năng (so với mặt đất)?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Chiếc bàn đứng yên trên sàn nhà. **C.** Quả bóng đang bay trên cao. | **B.** Chiếc lá đang rơi.**D.** Một người đứng trên tầng ba của tòa nhà. |

**Câu 8**. Tại sao các chất trông đều có vẻ như liền một khối, mặc dù chúng được cấu tạo từ các hạt riêng biệt?

 **A.** Vì một vật chỉ được cấu tạo từ một số ít các hạt, khoảng cách giữa chúng lớn mắt thường không thể phân biệt được.

 **B.** Vì các hạt kích thước rất lớn và chúng được nối liền với nhau tạo thành các khối.

 **C.** Vì các hạt rất nhỏ, khoảng cách giữa chúng rất nhỏ, mắt thường ta không thể phân biệt được.

 **D.** Vì kích thước các hạt không nhỏ lắm nhưng chúng lại nằm rất sát nhau.

**Câu 9.** Các chất được cấu tạo từ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **A.**Tế bào. | **B.** Các nguyên tử, phân tử. | **C.** Hợp chất. | **D.** Các mô. |

**Câu 10.** Tại sao quả bóng bay dù được buộc chặt lâu ngày vẫn bị xẹp?

 **A.** Vì khi mới thổi, không khí từ miệng vào bóng còn nóng, sau đó lạnh dần nên co lại.

 **B.** Vì cao su là chất đàn hồi nên sau khi bị thổi căng nó tự động co lại.

 **C.** Vì không khí nhẹ nên có thể chui qua chỗ buộc ra ngoài.

 **D.** Vì giữa các phân tử của chất làm vỏ bóng có khoảng cách nên các phân tử không khí có thể qua đó thoát ra ngoài.

---------------------- Hết----------------------

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT TP HẢI DƯƠNG**TRƯỜNG THCS HẢI TÂN**Ngày kiểm tra: ..../3/2023HÒA NHẬP | **HƯỚNG DẪN CHẤM** **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ II** NĂM HỌC: 2022 - 2023**Môn: Vật lí –**Lớp 8(Hướng dẫn chấm gồm 01 trang). |

**I. TRẮC NGHIỆM.** Mỗi đáp án chọn đúng được 1,0 điểm**.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu.** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án.** | **C** | **D** | **C** | **A** | **C** | **B** | **A** | **C** | **B** | **D** |

---------------------- Hết----------------------

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TP HẢI DƯƠNG**TRƯỜNG THCS HẢI TÂN** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ II**NĂM HỌC: 2022 - 2023**Môn: Vật lí –** Lớp 8.*Thời gian làm bài: 45 phút.* |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ****Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** |  |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** | **Cộng** |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL |  |
| **1. Công, công suất - Cơ năng**  | 1. Phát biểu được định luật bảo toàn công cho các máy cơ đơn giản.2. Nêu được đơn vị đo công.3. Nêu được công suất là gì4. Nhận biết được công thức tính công suất và nêu đơn vị đo công suất. | 2. Viết được công thức tính công suất.3. Nêu được ví dụ minh họa cho định luật về công6. Nắm được khi nào thì vật có cơ năng, động năng, thế năng7. Nêu được ví dụ chứng tỏ một vật đàn hồi bị biến dạng thì có thế năng. | 1. Vận dụng được công thức A = F.s để giải được các bài tập khi biết giá trị của hai trong ba đại lượng trong công thức và tìm đại lượng còn lại.2. Vận dụng được công thức  để giải được các bài tập tìm một đại lượng khi biết giá trị của 2 đại lượng còn lại. | - Vận dụng được công thức tính hiệu suất để tính hiệu suất của máy cơ đơn giản, lực ma sát của mặt phẳng nghiêng |  |
| ***Số câu*** | *4*  |  | *4* | *1* | *1* | *1 +2/3* |  | *1 /3* | **12** |
| ***Số điểm******Tỉ lệ %*** | *1.0đ**10%* |  | *1,0đ**10%* | *1,0đ**10%* | *0,25đ**2,5%* | *4,5đ**45%* |  | *1,5đ**15%* | **9,25 đ****92,5%** |
| **2. Cấu tạo chất và nhiệt năng.** | 1. Nêu được các chất đều cấu tạo từ các phân tử, nguyên tử.2. Nêu được giữa các phân tử, nguyên tử có khoảng cách. |  | 1. Giải thích được một số hiện tượng trong thực tế do giữa các phân tử, nguyên tử có khoảng cách. |  |  |
| ***Số câu*** | *2*  |  |  |  | *1*  |  |  | **3**  |
| ***Số điểm******Tỉ lệ %*** | *0,5đ**5%* |  |  |  | *0,25đ**2,5%* |  |  | **0,75 đ****15%** |
| ***Tổng số câu*** | **6 câu** | **5 câu** | **3 + 2/3 câu** | **1/3 câu** | **15 câu** |
| ***Tổng số điểm******Tỉ lệ %*** | **1,5 điểm****15%** |  **2,0điểm****20%** | **5,0 điểm****50%** | **1,5 điểm****15%** | **10 đ****100%** |